

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 12 năm 2021

*V/v không công nhận vợ chồng,  
tranh chấp về nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Tiến.

**-Các Hội thẩm nhân dân:**

Bà Phạm Thị Kim Loan.

Bà Tô Thị Lành.

**-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về “***Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung***”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đào Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 101 Nguyễn Trung T, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

**Bị đơn:** Anh Phù Chi V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 121 Nguyễn Trung T, phường Hội P thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thị N trình bày:***

Chị và anh Phù Chi V chung sống với nhau từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường khắc khẩu hay xung đột với nhau về lời nói, nên tình cảm

mỗi ngày một căng thẳng. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên chị đã cố gắng chịu đựng nhưng càng chịu đựng thì mâu thuẫn vợ chồng càng tăng. Chị và anh V sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với ai.

Nay chị nhận thấy mức độ tình cảm giữa anh chị đã thật sự trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Phù Chi V.

Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung tên là Phù Cơ Q, sinh ngày 01/9/2002; Phù Cơ P, sinh ngày 21/3/2005 và Phù Cơ H, sinh ngày 08/7/2007. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu Phù Cơ P, Phù Cơ H và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Q đã trưởng thành và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phù Chi V trình bày:***

Về hoàn cảnh và điều kiện chung sống như chị N trình bày là đúng, anh và chị N sau khi tìm hiểu và được sự cho phép của gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi về chung sống với nhau từ năm 2001 cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 03 người con, cho đến năm 2012 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, làm cho cuộc sống hôn nhân không được trọn vẹn, mâu thuẫn mỗi lúc một nhiều. Anh và chị N sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mạnh ai nấy sống không ai quan tâm hay chăm sóc gì nhau.

Nay chị N có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý vì cuộc sống hôn nhân của anh chị đã không thể tiếp tục, kéo dài.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung là Phù Cơ Q, sinh ngày 01/9/2002; Phù Cơ P, sinh ngày 21/3/2005 và Phù Cơ H, sinh ngày 08/7/2007. Anh tôn trọng ý kiến và nguyện vọng của các con, đồng ý để chị N nuôi cháu P và cháu H. Riêng cháu Q đã trưởng thành và sống tự lập được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy giữa chị Đào Thị N và anh Phù Chi V có quan hệ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, chị N và anh V có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại

Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”. Năm 2001 anh V và chị N chung sống với nhau như vợ chồng nên thời điểm xác lập quan hệ sống chung như vợ chồng giữa chị N và anh V pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng phù hợp với Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Việc chị N và anh V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay không đăng ký kết hôn là không tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nay là Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

[2] Xét yêu cầu của chị Đào Thị N, do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng hiện nay đã không còn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho tới nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nên chị Đào Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Phù Chi V. Anh Phù Chi V cũng đồng ý với yêu cầu của chị N.

Tại Khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định.

*c. Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng Khoản 2 và Khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

Như vậy chị N và anh V phải đi đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh chị đã không thực hiện, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc cần rút kinh nghiệm cho bản thân.

Tại mục 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn về việc thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

*3. Đối với trường hợp nam và nữ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/2001 trở đi mà không đăng ký kết hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, họ không được pháp luật công*

*nhận là vợ chồng; nếu một trong các bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết và áp dụng điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng; nếu họ có yêu cầu về nuôi con và chia tài sản, thì Tòa án áp dụng Khoản 2 và Khoản 3 Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo thủ tục chung.*

Đến nay chị Đào Thị N và anh Phù Chi V vẫn chưa đăng ký kết hôn; theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này,

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị N và anh V phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố anh V chị N không phải là vợ chồng.

### **[3] Về con chung:**

Chị Đào Thị N và anh Phù Chi V có với nhau 03 (Ba) con chung: Phù Cơ Q, sinh ngày 01/9/2002; Phù Cơ P, sinh ngày 21/3/2005 và Phù Cơ H, sinh ngày 08/7/2007 (Cháu P và cháu H có nguyện vọng sống với mẹ).

Hiện nay cháu Phù Cơ Q đã thành niên và sống tự lập được.

Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Phù Cơ P và cháu Phù Cơ H cho chị Đào Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp với nguyện vọng của con, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận, giao cháu P, cháu H cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung :** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến trong phần quyết định.

**[5] Về tiền án phí:** Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Đào Thị N tự nguyện chịu toàn bộ để sung quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

**- Áp dụng Khoản 1 Điều 11, các Điều 85, 87 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;**

**Tuyên bố:** Không công nhận chị Đào Thị N và anh Phù Chi V có quan hệ vợ chồng.

**- Áp dụng các Điều 15, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

Chị Đào Thị N và anh Phù Chi V có với nhau 03 (Ba) con chung: Phù Cơ Q, sinh ngày 01/9/2002; Phù Cơ P, sinh ngày 21/3/2005 và Phù Cơ H, sinh ngày 08/7/2007 (Cháu P và cháu H có nguyện vọng sống với mẹ).

Hiện nay cháu Phù Cơ Q đã thành niên và sống tự lập được.

Công nhận sự thỏa thuận của anh V và chị N; giao cháu Phù Cơ P và cháu Phù Cơ H cho chị Đào Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

**- Căn cứ vào các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Chị Đào Thị N tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0000993, ngày 05/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xin xét xử phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- UBND phường Hội P, TP.P;
- Lưu hồ sơ; VP.

**Hoàng Văn Tiến**